| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN HÓC MÔN**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 396/2019/DS-ST
Ngày 17 tháng 7 năm 2019.
"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Liên Quân**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Phạm Văn Chính**.

2. Bà **Lê Thị Khanh**.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông **Lê Bá Hùng Tâm** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 17 tháng 7 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 714/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2019/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông **Đỗ Thanh T** - sinh năm: 1966.

Thường trú: ấp Tân Thới 2, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Văn Tuấn A** - sinh năm: 1987.

Thường trú: Khu phố 4, thị trấn M, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/10/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đỗ Thanh T trình bày:

Ngày 10/7/2017, ông Đỗ Thanh T và ông Nguyễn Văn Tuấn A có giao kết hợp đồng vay tiền công chứng số: 011696, quyển số 07/2017/TP/CC-SCC/HĐGD lập tại Văn phòng Công chứng Lý Thị Như Hòa với nội dung ông T cho ông Tuấn A vay số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng tính từ ngày 10/7/2017, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận (0,5%/tháng).

Ông Tuấn A chỉ thanh toán được 04 tháng tiền lãi cho ông T. Sau đó, ông Nguyễn Văn Tuấn A yêu cầu ông T đưa bản chính hợp đồng vay tiền để liên lạc người thân cho mượn tiền trả cho ông Đỗ Thanh T. Do đó, ông T đã giao bản chính hợp đồng cho ông Tuấn A và chỉ giữ lại bản sao. Sau khi hết thời hạn vay,

ông T nhiều lần liên lạc yêu cầu trả tiền nhưng ông Tuấn A chỉ hứa hẹn, cố tình kéo dài thời gian không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho ông T. Do đó, ông T đã khởi kiện ra Tòa án để được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp.

Theo đơn khởi kiện, ông Đỗ Thanh T yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn Tuấn A phải trả số tiền đã vay 150.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất ngân hàng tương đương 1%/tháng. Tại phiên họp công khai chứng cứ và tại phiên tòa, ông Đỗ Thanh T chỉ yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn Tuấn A thanh toán tiền vay 150.000.000 đồng và không yêu cầu tính tiền lãi chậm thanh toán.

Tại biên bản hòa giải ngày 03/5/2019, bị đơn ông Nguyễn Văn Tuấn A trình bày:

Ông Nguyễn Văn Tuấn A xác định vào ngày 10/7/2017, ông Nguyễn Văn Tuấn A có vay của ông Đỗ Thanh T số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng tính từ ngày 10/7/2017, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận là 10%/tháng. Các bên có ký kết hợp đồng vay tiền số công chứng: 011696, quyển số 07/2017/TP/CC-SCC/HĐGD lập tại Văn phòng Công chứng Lý Thị Như Hòa.

Ông Nguyễn Văn Tuấn A xác định đã thanh toán đầy đủ số tiền vay cùng tiền lãi cho ông Đỗ Thanh T từ khi vay cho đến khoảng tháng 9, 10/2018. Đồng thời, ông Đỗ Thanh T đã giao cho ông Nguyễn Văn Tuấn A bản chính hợp đồng vay tiền. Do cả tin, bất cẩn nên ông Tuấn A chỉ hủy đi hợp đồng vay tiền mà không yêu cầu ông T lập biên nhận thanh toán tiền.

Trước yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn Tùng về việc yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn Tuấn A phải trả số tiền đã vay 150.000.000 đồng, ông Nguyễn Văn Tuấn A không đồng ý, vì ông Tuấn A đã trả tiền đầy đủ cho ông T.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các bên đương sự tiến hành việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên, các đương sự vẫn giữ quan điểm của mình và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp:

Quan hệ tranh chấp giữa ông Đỗ Thanh T với ông Nguyễn Văn Tuấn A là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn hiện đang cư trú tại thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án bản sao Hợp đồng vay tiền công chứng số: 011696, quyển số 07/2017/TP/CC-SCC/HĐGD lập tại Văn phòng Công chứng Lý Thị Như Hòa có nội dung: Ông Đỗ Thanh T cho ông Nguyễn Văn Tuấn A vay số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng tính từ ngày 10/7/2017, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận. Phía bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Tại phiên tòa, các đương sự xác định không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác ngoài các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông T thay đổi nội dung khởi kiện, yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ vay 150.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Bị đơn thừa nhận có vay tiền của ông T theo Hợp đồng vay tiền công chứng số: 011696, quyển số 07/2017/TP/CC-SCC/HĐGD lập tại Văn phòng Công chứng Lý Thị Như Hòa. Như vậy, có đủ cơ sở chứng minh việc vay tiền giữa hai bên là có thật và được các bên thừa nhận.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Tuấn A cho rằng đã thanh toán cho ông T tiền vốn và lãi khi đến hạn theo hợp đồng vay, nên ông T đã giao bản chính hợp đồng vay cho ông A. Phía ông T xác định có đưa bản chính hợp đồng vay tiền để ông A liên lạc người thân cho mượn tiền thanh toán tiền vay, nhưng sau đó ông T vẫn chưa được ông A thanh toán.

[5] Theo quy định của pháp luật, việc ông T đã giao bản chính hợp đồng vay nợ cho ông A không phải là căn cứ chứng minh ông A đã thanh toán tiền vay cho ông T. Ngoài ra, ông A không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh đã thanh toán tiền vay cho ông T, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận phần trình bày của ông A cho rằng đã thanh toán tiền vay cho ông T. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Thanh T là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Án phí dân sự có giá ngạch bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Thanh T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Nguyễn Văn Tuấn A.

[2] Buộc ông Nguyễn Văn Tuấn A có nghĩa vụ thanh toán tiền vay cho ông Đỗ Thanh T 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền nêu trên cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án

còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[3] Về án phí: Án phí dân sự có giá ngạch ông Nguyễn Văn Tuấn A phải chịu 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả lại cho ông Đỗ Thanh T tiền tạm ứng án phí 4.312.500đ (bốn triệu, ba trăm mười hai nghìn, năm trăm đồng) đã nộp theo biên lai số AA/2017/0004386 ngày 10/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Liên Quân**